

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:41/2019/HS-ST
Ngày 16 tháng 9 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Bích Lược;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Ngọc Tâm

2/ Bà Đặng Thị Hương Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Xiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Hải Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bùi Ngọc V, tên gọi khác: không; sinh năm 1988, tại: Huyện L, tỉnh P; nơi cư trú: Khu 15, xã Tứ xã huyện L, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T, sinh năm 1960; con bà Chủ Thị T, sinh năm 1962; anh chị em: có 03 người, bị cáo là con thứ ba; có vợ: Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1990; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền sự; tiền án: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại xã T, huyện L, tỉnh P

2. Bùi Minh T, tên gọi khác: không; sinh năm 1988, tại: Huyện L, tỉnh P; nơi cư trú khu 12, xã T, huyện L, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Minh T, sinh năm 1962; con bà Bùi Thị S, sinh năm 1963; anh chị em: có 02 người, bị cáo là con thứ hai; có vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền sự; tiền án: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại xã T, huyện L, tỉnh P.

3. **Nguyễn Văn C**, tên gọi khác: T; sinh năm 1997, tại: Huyện L, tỉnh P; nơi cư trú khu 2, xã T, huyện L, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964; con bà Hoàng Thị X, sinh năm 1966; anh chị em: có 03 người, bị cáo là con thứ ba; vợ, con: Chưa có; tiền sự; tiền án: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại xã T, huyện L, tỉnh P.

4. **Bùi Kim T**, tên gọi khác: không; sinh năm 1982, tại: Huyện L, tỉnh P; nơi cư trú khu 14, xã T, huyện L, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Đình Q, sinh năm 1952; con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; anh chị em: có 03 người, bị cáo là con thứ hai; có vợ Cao Thị Ph, sinh năm 1982; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền sự; tiền án: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại xã Tứ xã huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Bùi Mạnh T - sinh năm 1989

ĐKHKT: khu 16, xã T, huyện L, tỉnh P

2/ Anh Cao Minh T - sinh năm 1976

ĐKHKT: khu S, xã C, huyện L, tỉnh P

3/ Chị Nguyễn Thị Minh L - sinh năm 1989

ĐKHKT: Tổ 28, khu C, phường M, thành phố V tỉnh P

4/ Anh Nguyễn Văn D - sinh năm 1994

ĐKHKT: khu 15, xã T, huyện L, tỉnh P

5/ Anh Nguyễn Đức C - sinh năm 1995

ĐKHKT: khu 4, xã S, huyện L, tỉnh P

6/ Anh Nguyễn Văn C - sinh năm 1966

ĐKHKT: Khu 4, xã S, huyện L, tỉnh P

7/ Anh Đặng Văn H - sinh năm 1983

ĐKHKT: Khu 18, xã S, huyện L, tỉnh P

8/ Anh Bùi Minh T - sinh năm 1988

TT: Khu 12, xã T, huyện L, tỉnh P

9/ Nguyễn Thị T - sinh năm 1994

TT: TT: Khu 12, xã T, huyện L, tỉnh P

(C ác bị cáo đều có mặt, anh T, chị T có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi đánh bạc của Bùi Ngọc V và đồng phạm:

Hồi 18 giờ 15 phút ngày 03/5/2019, tại khu 15, xã Tứ Xã huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự- Công an tỉnh Phú Thọ kiểm tra hành chính đối với Bùi Ngọc V- sinh năm 1988, có địa chỉ nêu trê n, V đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô số đề của nhiều người. Cơ quan Công an đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với Bùi Ngọc V để tiến hành xử minh.

Tại Cơ quan Công an, Viết khai nhận đã có hình thức mua bán số lô, số đề với nhiều người. Cách thức mua bán số lô, số đề sá phat nhau bằng tiền như sau:

Do không có công ăn việc làm ổn định lại cần có tiền để chi tiêu cá nhân, Bùi Ngọc Viết bán bạc, thống nhất với Bùi Minh T- sinh năm 1988, ở khu 12, xã Tứ Xã huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Văn C - sinh năm 1997 (tên gọi khác: T), ở Khu 2, xã Tứ Xã huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; Bùi Kim T- sinh năm 1982, ở Khu 14, xã Tứ Xã huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ là V sẽ đứng ra nhận các số lô, số đề. Về số lô: 1 điểm lô là 20.000đồng V nhận của khách: 19.500đồng/1 điểm lô và chuyển 19.000đồng, trúng 1 điểm lô được nhận 70.000đồng. Về số đề: V lấy của khách 75% số tiền đánh và V chuyển 73%, trúng sẽ được gấp 70 lần số tiền đánh. Việc thanh toán tiền thắng thua diễn ra vào ngày hôm sau.

Số đề 2 chữ số: Người mua tự lựa chọn mua một hoặc nhiều cặp số. Mỗi cặp gồm 2 số tự nhiên bất kỳ từ 0 đến 9 (cặp số từ 00 đến 99), mức tiền mua từng cặp số, rồi chờ đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng ngày hôm đó, nếu trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì người mua được trả gấp 70 lần số tiền đã bỏ ra mua số đề đó.

Số lô 2 chữ số: Người mua tự lựa chọn mua một hoặc nhiều cặp số gồm 2 số tự nhiên bất kỳ (cặp số từ 00 đến 99), mức mua tính theo “điểm”, mỗi điểm được bán với giá 20.000đồng (hai mươi ngàn đồng). So sánh với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày; nếu số lô đã mua trùng với hai chữ số cuối của bất kỳ giải thưởng nào thì người mua trúng lô một lần. Nếu trong các giải thưởng có hai số cuối trùng nhiều lần với số lô của người mua thì người đó được trúng lô nhiều lần nhưng tối đa không quá ba lần, khi trúng lô người mua được trả 70.000đồng (bảy mươi nghìn đồng)/điểm.

Về hành vi đánh bạc ngày 03/5/2019 của V cụ thể như sau:

Viết sử dụng chiếc điện thoại OPPO màu trắng, gắn sim thuê bao 0986.350.950 nhận tin nhắn từ số thuê bao 0375.641.552 của Nguyễn Văn C; nhận tin nhắn từ số điện thoại 0973190588 của Bùi Minh T có nội dung mua bán số lô, số đề như sau:

- Nguyễn Văn C gửi cho V 02 tin nhắn, gồm:

+ Tin 1: “Lô 20. 200 điểm. Đề 20.600 nghìn”. Tương đương tiền lô 4.000.000đồng; tiền đề: 600.000đồng; tổng tin 1: 4.600.000đồng;

+ Tin 2: “Lô 71. 25 điểm”. Tương đương tiền lô: 500.000đồng. Tin 2: 500.000đồng.

Tổng tiền lô, đề của C gửi cho V là 5.100.000đồng.

- Bùi Minh T gửi 01 tin nhắn lô, đề có nội dung: “Lô 68.100 điểm”; tương đương số tiền lô: 2.000.000đồng.

Tổng số tiền T đánh bạc với V là: 2.000.000đồng.

Viết sử dụng nick Zalo “Con Nhà Lành” được lập từ số điện thoại 0899.827.526 gắn trong điện thoại SONY nhận tin nhắn từ nick zalo “Trong Bui Kim” của Bùi Kim T- 1982, ở khu 14, xã Tứ Xã huyện Lâm Thao, 03 tin nhắn lô đề có nội dung như sau:

- Tin 1: “Đe 20.450n.23.100n02.57.55.mc50n.lô 20.150đ”; tương đương số tiền lô: 3.000.000đồng; số tiền đề: 700.000đồng. Tổng tiền tin 1: 3.700.000đồng;

- Tin 2: “Đe 232.353.585.mc250n.393.22.131.43.mc50n.lô 020.mc50đ”; tương đương số tiền lô: 2.000.000đồng; tiền đề: 1.800.000ss. Tổng tiền tin 2: 3.800.000đồng;

- Tin 3: “Đe58.30.90.94.76.mc30n”; tương đương số tiền đề: 150.000đồng.

Tổng tiền tin 3: 150.000đồng;

Tổng số tiền lô, đề T đánh bạc với V là: 7.650.000đồng.

Ngày 06/5 và ngày 11/5/2019, Bùi Kim T và Nguyễn Văn C ra đầu thú, khai báo về hành vi đánh bạc của mình như đã nêu trên.

Ngoài ra, V còn sử dụng điện thoại OPPO màu đen gắn sim số 0913.928.413 nhắn 01 tin đến số thuê bao 0986.350.950 của V có nội dung mua bán số lô, đề. Tuy nhiên, đây là tin nhắn V tự gửi cho V nên không xác định là tiền đánh bạc trong vụ án này.

Sau đó, V tổng hợp lại và tự đánh thêm lô, đề, sử dụng nick zalo “Con Nhà Lành” gửi đến nick zalo “Máy Mới” của đối tượng tên Q, nhưng không xác định được địa chỉ ở đâu, với số tiền **16.790.000đồng**.

Như vậy, tổng số tiền V tham gia đánh bạc trong vụ án này là **14.750.000đồng**(*Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

Do Cơ quan Công an lập biên bản trước giờ mở thưởng nên không xác định kết quả trúng, trượt trong vụ án này.

II. Về hành vi cho vay lãi nặng của Bùi Ngọc V và Bùi Minh T:

Qua khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Bùi Ngọc V, Cơ quan Công an thu được nhiều quyển sổ, “Giấy vay tiền” và nhiều tài liệu có liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Bùi Ngọc V và Bùi Minh T. Cụ thể như sau:

Trong thời gian từ tháng 05/2018 đến tháng 8/2018 Bùi Ngọc V đã bàn bạc, thống nhất với Bùi Minh T cùng nhau góp vốn để tổ chức hoạt động cho vay lãi nặng tổng số tiền vốn là 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng) mỗi đối tượng góp 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng). Viết và T thuê một quán tại khu 3, xã Tứ Xã huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ làm nơi giao dịch, đồng thời T đăng ký kinh doanh hoạt động cầm đồ nhưng thực chất là cho vay lãi nặng. Cách thức như sau: Khi khách vay có nhu cầu đến vay tiền thì phải tự viết thông tin cá nhân vào chỗ trống của tờ hợp đồng vay tiền đã được soạn sẵn, sau đó ký tên; không ghi lãi suất trong hợp đồng vay tiền, mục đích để đối phó với cơ quan chức năng nếu bị kiểm tra nhưng thực tế Viết và T cho người khác vay với lãi suất từ 4000đồng đến 5000đồng/1 triệu/1 ngày tùy vào mối quan hệ với khách vay. Khi khách vay đồng ý với mức lãi suất trên V sẽ giao tiền, nếu là khách lạ sẽ cắt lại lãi của tháng đầu tiên. Do khách vay chủ yếu là người quen hoặc được giới thiệu, bảo lãnh nên hình thức vay chủ yếu là tín chấp. Để thực hiện được việc trên V và T thuê Nguyễn Đình Đ-sinh năm 1995 ở xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ để đi thu tiền lãi của khách và ghi chép sổ sách khi V và T không có ở quán với mức 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng)/1 tháng. V và T thống nhất tiền lãi thu được sẽ chia đôi và sử dụng vào mục đích chung như trả tiền thuê nhà, tiền điện, tiền nước, ...

Đến tháng 8/2018 V và T tách ra làm riêng Tuyển rút số vốn 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng) về còn để lại 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) để V tiếp tục cho vay. Việc cho vay số tiền này T và V thỏa thuận cho khách vay từ 3000đồng- 5000đồng/1 triệu/1 ngày. Trong đó Viết trích cho T mỗi tháng 3.000.000đồng (ba triệu đồng) trên tổng số lãi đã thu. Khoảng tháng 2/2019 V nhờ Nguyễn Văn C - sinh năm 1997, ở Khu 2, xã Tứ Xã huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ đi thu tiền lãi và thỏa thuận trả công sau. Tuy nhiên, C không biết mức lãi suất V cho người khác vay là bao nhiêu tiền, C chưa được Viết trả công lần nào.

Cơ quan CSĐT đã làm rõ được 07 (bảy) người vay tiền của Viết với số tiền thu lời bất chính trên 100%/1 năm (gấp 5 lần lãi suất cho phép) là **44.245.970đồng** (*Bốn mươi tư triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi đồng*). Cụ thể:

1. Anh Đặng Văn H- sinh năm 1983;

Hộ khẩu thường trú: khu 18, xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Khoảng tháng 06/2018, anh Đặng Văn H vay của Bùi Ngọc V số tiền là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng), lãi xuất vay là: 5000đồng/1 triệu/1 ngày, đến tháng 04/2019 đã trả tiền lãi được 11 tháng tổng số tiền là: 33.000.000đồng (Ba mươi ba triệu đồng), tiền gốc chưa trả.

Số tiền lãi V thu được từ tháng 6/2018 đến tháng 4/2019 là 33.000.000đồng. Trong đó:

- Số tiền lãi đến 20% theo quy định của BLDS là: 3.666.674đồng;
- Số tiền lãi từ trên 20% đến 100% là: 14.661.526đồng;
- Số tiền lãi vượt quá 100% đối với khoản vay là **14.671.800đồng** (Mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn tám trăm đồng).

2. Ông Nguyễn Văn C- sinh năm 1966;

Hộ khẩu thường trú: khu 4, xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 15/02/2019, ông Nguyễn Văn C vay của Bùi Ngọc V số tiền là 18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng), lãi xuất vay là: 5000đồng/1 triệu/1 ngày, đến tháng 04/2019 đã trả tiền lãi được 1 tháng 15 ngày tổng số tiền là 4.050.000đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), tiền gốc chưa trả.

Số tiền lãi V thu được từ tháng 2/2019 đến hết tháng 4/2019 là 4.050.000đồng. Trong đó:

- Số tiền lãi đến 20% theo quy định của BLDS là: 450.001đồng;
- Số tiền lãi từ trên 20% đến 100% là: 1.799.369đồng;
- Số tiền lãi vượt quá 100% đối với khoản vay là **1.800.630đồng** (Một triệu tám trăm nghìn sáu trăm ba mươi đồng)

3. Anh Nguyễn Đức C- sinh năm 1995

Hộ khẩu thường trú: khu 4, xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 18/11/2018, anh Nguyễn Đức C vay của Bùi Ngọc V số tiền là 23.000.000đồng (Hai mươi ba triệu đồng), lãi xuất vay là: 4000đồng/1 triệu/1 ngày, đến tháng 03/2019 đã trả tiền lãi được 2 tháng tổng số tiền là 6.800.000đồng (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng), tiền gốc chưa trả.

Số tiền lãi V thu được từ tháng 11/2018 đến tháng 3/2019 là 6.800.000đồng. Trong đó:

- Số tiền lãi đến 20% theo quy định của BLDS là: 766.668đồng;
- Số tiền lãi từ trên 20% đến 100% là 3.065.592đồng;

- Số tiền lãi vượt quá 100% đối với khoản vay là **2.967.740đồng** (Hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

4. Anh Nguyễn Văn D- sinh năm 1994;

Hộ khẩu thường trú: khu 15, xã Tứ Xã huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 01/07/2018, anh Nguyễn Văn D vay của Bùi Ngọc V số tiền là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng), lãi suất vay là: 5000đồng/1 triệu/1 ngày, đến tháng 12/2018 đã trả tiền lãi được 5 tháng tổng số tiền là: 3.750.000đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tiền gốc đã trả.

Số tiền lãi V thu được từ tháng 7/2018 đến tháng 12/2018 là 3.750.000đồng. Trong đó:

- Số tiền lãi đến 20% theo quy định của BLDS là: 416.668đồng;
- Số tiền lãi từ trên 20% đến 100% là: 1.666.083đồng;
- Số tiền lãi vượt quá 100% đối với khoản vay là **1.667.250đồng** (Một triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).

5. Chị Nguyễn Thị Minh L- sinh năm 1989

Hộ khẩu thường trú: Tổ 28, khu Cao Đại, phường Minh Phương, thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ.

Ngày 17/10/2018, chị Nguyễn Thị Minh L vay của Bùi Ngọc V số tiền là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng), lãi suất vay là: 5000đồng/1 triệu/1 ngày, đến tháng 04/2019 đã trả tiền lãi được 5 tháng 20 ngày tổng số tiền là 17.000.000đồng (Mười bảy triệu đồng), tiền gốc chưa trả.

Số tiền lãi V thu được từ tháng 10/2018 đến tháng 4/2019 là 17.000.000đồng. Trong đó:

- Số tiền lãi đến 20% theo quy định của BLDS là: 1.888.893đồng;
- Số tiền lãi từ trên 20% đến 100% là: 7.552.907đồng;
- Số tiền lãi vượt quá 100% đối với khoản vay là **7.558.200đồng** (Bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn hai trăm đồng).

6. Ông Cao Minh T- sinh năm 1976;

Hộ khẩu thường trú: khu Sơn Lĩnh, xã Cao xá, huyện Lâm Thao;

Ngày 07/07/2018, anh Cao Minh T vay của Bùi Ngọc V số tiền là 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng), đã trả lãi đến T2/2019 số tiền: 12.600.000đồng; ngày 17/08/2018 Cao Minh T tiếp tục vay số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất vay là: 4000đồng/1 triệu/1 ngày, lãi trả cho khoản vay này tính đến hết tháng 2/2019 là: 18.000.000đồng. Tổng số tiền lãi anh

Tới đã trả cho V là: 30.600.000đồng (Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng), tiền gốc chưa trả.

Số tiền lãi V thu được từ tháng 7/2018 đến tháng 2/2019 là 30.600.000đồng. Trong đó:

- Số tiền lãi đến 20% theo quy định của BLDS là: 4.250.009đồng;
- Số tiền lãi từ trên 20% đến 100% là: 16.994.042đồng;
- Số tiền lãi vượt quá 100% đối với khoản vay là **9.355.950đồng** (*Chín triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi đồng*).

7. Anh Bùi Mạnh T- sinh năm 1989;

Hộ khẩu thường trú khu 16 - xã Tứ Xã – Lâm Thao – Phú Thọ.

Ngày 30/06/2018, anh Bùi Mạnh T vay của Bùi Ngọc V số tiền là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng), lãi xuất vay là: 5000đồng/1 triệu/1 ngày, đến tháng 02/2019 đã trả tiền lãi được 6 tháng 10 ngày tổng số tiền là 14.000.000đồng (Mười bốn triệu đồng), tiền gốc đã trả.

Số tiền lãi V thu được từ tháng 6/2018 đến tháng 2/2019 là 14.000.000đồng. Trong đó:

- số tiền lãi đến 20% theo quy định của BLDS là: 1.555.559đồng;
- số tiền lãi từ trên 20% đến 100% là: 6.220.041đồng;
- số tiền lãi vượt quá 100% đối với khoản vay là **6.224.400đồng** (*Sáu triệu hai trăm hai mươi tư nghìn bốn trăm đồng*).

Tổng số tiền thu lợi bất chính mà Bùi Ngọc V được hưởng lợi khi cho 07 người trên vay lãi nặng (trên 100%) là **44.245.970đồng** (*Bốn mươi tư triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi đồng*). Trong đó, T là đồng phạm và được hưởng theo kỹ phần, như sau:

* Số tiền lãi thu được từ tháng 5 đến tháng 8/2018 là: 14.550.000đồng; (V sử dụng chi tiêu chung còn lại chia đôi cho T một nửa. Do đó, tiền lãi mỗi người được hưởng là: 7.275.000đồng). Trong đó:

- Số tiền lãi theo quy định của BLDS (đến 20%): 1.666.670đồng;
- Số tiền lãi vượt quá 20% đến 100% là: 6.664.330đồng;
- Số tiền lãi vượt quá 100% là **6.219.000đồng**. Mỗi bị cáo : **3.109.000đồng**.

* Số tiền lãi thu được từ tháng 9/2018 đến tháng 5/2019 là: 94.650.000đ (Tuyển được chia là: 8 tháng x 3.000.000đ/ tháng = 24.000.000đồng; Viết được hưởng là: 70.650.000đồng). Trong đó:

- Số tiền lãi theo quy định của BLDS (đến 20%): 11.327.800đồng;

- Số tiền lãi vượt quá 20% đến 100% là: 45.295.230đồng;

- Số tiền lãi vượt quá 100% là **38.026.970đồng**.

Số tiền thu lời bất chính T được hưởng là: 9.642.337đồng;

Số tiền thu lời bất chính V được hưởng là: 28.384.633đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2019, tổng số tiền thu lời bất chính của T là: 12.751.337đồng; tổng số tiền thu lời bất chính của V là: 31.493.633đồng. Mặc dù T được hưởng số tiền dưới 30.000.000đồng nhưng T là đồng phạm với V trong việc chung vốn cho vay.

Tại bản Cáo trạng số: 24/CT-VKSLT ngày 29/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Bùi Ngọc V và Bùi Minh T về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại điều 201 của Bộ luật Hình sự (BLHS), truy tố Bùi Ngọc V, Nguyễn Văn C, Bùi Kim T về tội: "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao giữ quyền công tố luận tội: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố để cấu thành tội: "Đánh bạc" và "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS; (Đối với V), khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 của BLHS; (Đối với T); áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS; (Đối với T); áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS; (Đối với C). Xử phạt Bùi Ngọc V từ 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc. Tổng hợp 2 tội buộc bị cáo V phải chịu 20 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Xử phạt Bùi Minh T từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Xử phạt Bùi Kim T từ 35.000.000đồng đến 40.000.000đồng về tội đánh bạc. Xử phạt Nguyễn Văn C từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng về tội đánh bạc.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với Vi phạm phạt 30.000.000đồng đến 50.000.000đồng và phạt bổ sung bị cáo Tuyên 30.000.000đồng đến 50.000.000đồng về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Đối với số lãi bị cáo T và V đã nhận tiền lãi trên 20% của 7 người liên quan. Tại phiên tòa chưa làm rõ được số tiền lãi quá 20% các bị cáo đã thanh toán trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa vì họ vắng mặt chưa xác định được nên đề nghị tách phần giải quyết khoản tiền lãi vượt 20% mà các bị cáo phải thanh toán trả cho những người có quyền lợi liên quan giải quyết riêng khi họ có yêu cầu.

Đối với số tiền gốc các bị cáo đã cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay là công cụ phương tiện phạm tội và khoản tiền lãi dưới 20% các bị cáo đã thu của 7 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tiền có được từ khoản tiền là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Tổng số tiền gốc và lãi tịch thu sung quỹ nhà nước là 146.393.793 đồng. Nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của V là 102.566.343 đồng và T là 43.827.450 đồng.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho V 01 chiếc điện thoại OPPO màu đen, có số IMEI: 865251032225156, 86525103222514901, sim số: 0913928413, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các điện thoại khác thu giữ của V, T là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước

Trả lại cho chị T vợ bị cáo T chiếc điện thoại Samsung màu tím, có số IMEI: 355220093802267, 355221093802265.

01 sim có số 0348029989; và một số sim có trong các điện thoại trên là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Thu giữ 01 quyển sổ bìa màu hồng ghi chữ “sổ theo dõi” kích thước 21x15 cm, chữ đầu ghi “Thủy vượng” chữ cuối ghi “27/3”; 01 quyển sổ bìa màu hồng ghi chữ “sổ theo dõi” kích thước 21x15 cm, chữ đầu ghi “A hoàn”, chữ cuối ghi “339930”; 01 quyển sổ bìa màu đen kích thước 30x21cm chữ đầu ghi “01633372333” chữ cuối ghi “Quân”; 01 quyển sổ bìa màu đen kích thước 30x21cm chữ đầu ghi “hùng lâm thao” chữ cuối ghi “Lê Văn Mạnh” viết ngược; 01 quyển sổ bìa màu đen có in chữ BUSINESS B6-240 màu vàng, kích thước 15x20cm, chữ đầu “ngày 21/12”, chữ cuối “1tr300” là vật chứng nhưng đồng thời là chứng cứ của vụ án nên tịch thu lưu hồ sơ.

Trả lại cho Bùi Minh T 09 tờ giấy vay tiền do Tuyên đứng tên là người cho vay, 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mang tên Bùi Minh T, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT mang tên Bùi Minh T, 01 tập phương án chữa cháy của cơ sở mang tên Bùi Minh T tài liệu do cơ quan công an thu giữ không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Số tiền các bị cáo Trọng, C và T tham gia đánh bạc với V tuy nhiên trên thực tế chưa đưa tiền cho V nên cần tịch thu nộp lại ngân sách Nhà nước của bị cáo T là 7.650.000 đồng, bị cáo C nộp lại 5.100.000 đồng và T nộp lại 2.000.000 đồng.

Về án phí Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi đúng như Cáo trạng truy tố và các bị cáo không tranh luận gì Các bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử, xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và phù hợp với pháp luật.

[2] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội:

Hồi 18 giờ 15 phút ngày 03/5/2019, tại khu 15, xã T, huyện L, tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Phú Thọ phát hiện Bùi Ngọc V- sinh năm 1988, ở khu 15, xã T, huyện L đã có hành vi đánh bạc với Bùi Minh Tu- sinh năm 1988, ở khu 12, xã T, huyện L, tỉnh P; Nguyễn Văn C- sinh năm 1997 (tên gọi khác: T), ở Khu 2, xã T, huyện L, tỉnh P; Bùi Kim T- sinh năm 1982, ở Khu 14, xã T huyện L, tỉnh P bằng hình thức mua bán số lô, số đề thông qua việc gửi tin nhắn trên điện thoại di động và qua zalo.

Trong đó: C đánh bạc với V số tiền: 5.100.000đồng; T đánh bạc với V số tiền 7.650.000đồng; T đánh bạc với V số tiền 2.000.000đồng.

Bùi Ngọc V tham gia đánh bạc với các đối tượng số tiền: 14.750.000đồng (*Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

Ngoài hành vi đánh bạc với các đồng phạm nêu trên, Bùi Ngọc V còn bán bạc với Bùi Minh T- sinh năm 1988, ở khu 12, xã T, huyện L, tỉnh P, cùng nhau góp vốn sau đó cho người khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ vay với lãi suất cao (từ 4.000-5.000đồng/1 triệu/ 1 ngày) để lấy tiền tiêu sài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 05/2018 đến tháng 8/2018, V và T mỗi người góp 300.000.000đồng, được tổng số tiền: 600.000.000đồng. V và T thuê một quán tại khu 3, xã Tứ Xã huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ làm nơi giao dịch, đồng thời T đăng ký kinh doanh hoạt động cầm đồ nhưng thực chất là cho vay lãi nặng. Số tiền lãi thu được hai bên thống nhất chia đều.

Sau đó, từ tháng 8/2018, T tách ra làm riêng nhưng để lại 100.000.000đồng góp vốn với V. Từ thời gian này, V cho người khác vay tiền lãi suất cao sau đó chia lãi cho T mỗi tháng 3.000.000đồng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 8/2018, tổng số tiền thu lợi bất chính mà Bùi Ngọc V và Bùi Minh T được hưởng lợi khi cho người khác vay lãi nặng trong giao dịch dân sự (Cơ quan điều tra chứng minh được 07 người) là 44.245.970đồng (*Bốn mươi tư triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm bảy*

mười đồng). Trong đó: số tiền thu lời bất chính của T là: 12.751.337đồng; số tiền thu lời bất chính của V là: 31.493.633đồng.

Hành vi đánh bạc của các bị cáo Bùi Ngọc V, Bùi Kim T và Nguyễn Văn C và hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Bùi Ngọc V, Bùi Minh T nhằm mục đích thu lời bất chính đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc” và tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 và khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Đối với đối tượng “Quân”, theo Viêt khai là người nhận bảng đề của Viêt ngày 03/5/2019 qua zalo, tuy nhiên, Viêt không cung cấp được tên họ, địa chỉ của người này nên không có cơ sở xác minh để xử lý là phù hợp với pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn C là người giúp V, T đi thu lãi của những người vay tiền. Tuy nhiên, C không biết mức lãi suất V cho vay là bao nhiêu, không được hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với C là phù hợp với pháp luật.

Đối với Bùi Minh T có hành vi đánh bạc với V, số tiền 2.000.000đồng (chưa đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự) nên Cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính đối với T là phù hợp.

Đối với Nguyễn Đình Đ- sinh năm 1995, ở khu 13- S- L là người giúp Viêt ghi sổ sách, trông cửa hàng hộ V, thu tiền lãi của khách vay. Tuy nhiên, Đ không góp vốn cũng như không biết việc V cho khách vay với lãi suất bao nhiêu, không được bàn bạc hưởng lợi gì chỉ nhận tiền lương theo thỏa thuận. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý đối với Đ là phù hợp với pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo V, T cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tài chính trong xã hội; hành vi đánh bạc của các bị cáo V, T, C xâm phạm đến việc quản lý an ninh trật tự của Nhà nước trên địa bàn, gây mất trật tự trị an xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác. Các bị cáo V, T, C, T nhận thức được cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích thu lời bất chính nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo:

Đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Bùi Ngọc V và Bùi Minh T đều góp vốn ngang nhau, nhưng V là người trực tiếp thực hiện hành vi cho vay lãi nặng và là người nhận số tiền thu lợi bất chính nhiều hơn T. Do vậy, Viêt phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn T. Bị cáo V không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình

sự nào, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bác ruột bị cáo V là liệt sỹ nên V được hưởng tnh tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS khi quyết định hình phạt có thể xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo V có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, nhưng do tnh hình cho vay nặng lãi hiện nay đang là vấn đề nhức nhối trong xã hội nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo V. Bị cáo T là đồng phạm với bị cáo V, bị cáo T không phải chịu tnh tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp í nghiêm trọng nên T được hưởng các tnh tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo T cũng có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, nhưng cũng cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T để đảm bảo tính nghiêm khắc của pháp luật.

Đối với hành vi đánh bạc của Bùi Ngọc V, Bùi Kim T và Nguyễn Văn C. Trong vụ án này bị cáo V có vai trò chính là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh số số lô, đề với bị cáo T và bị cáo C. Tổng số tiền bị cáo V đánh bạc với T, C, T là 14.750.000đồng. Trong đó đánh với T là 7.650.000đồng, C là 5.100.000đồng, T là 2.000.000đồng. Như vậy, V phải chịu hình phạt cáo nhất, sau đó đến T và C chịu hình phạt nhẹ nhất. Các bị cáo đều không phải chịu tnh tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo V, T, C được hưởng tnh tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T, C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp í nghiêm trọng nên được hưởng tnh tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bác ruột bị cáo V là liệt sỹ, bố bị cáo T là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến, đồng thời là thương binh, bị cáo T trực tiếp ra đầu thú Bị cáo C cũng trực tiếp ra đầu thú nên bị cáo T, C, V được hưởng tnh tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo Viết có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Cho bị cáo T, C được áp dụng hình phạt tiền. Bị cáo V đã bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, xét thấy điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền về tội đánh bạc đối với bị cáo V.

[4] Đối với số tiền lãi trên 20% mà bị cáo T và V đã nhận của 7 người liên quan. Quá trình điều tra thể hiện những người vay đã đưa cho V và T. Tại phiên tòa

bị cáo V và bị cáo T đều trình bày đã thanh toán xong cho 7 người liên quan số tiền lãi các bị cáo đã nhận. Một số người có quyền lợi liên quan có đơn thể hiện các bị cáo đã trả số tiền lãi vượt quá lãi 100%, nhưng số tiền lãi từ 20% đến 100% chưa thể hiện các bị cáo đã thanh toán cho 7 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đã báo những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tham gia phiên tòa để làm rõ. Tuy nhiên, tại phiên tòa xét xử ngày 28/8/2019 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Sau đó có thông tin anh Đặng Văn H là một trong những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã xuất cảnh ra nước ngoài hiện tại không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Hưng thường trú và xác định anh H đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, hiện tại không có mặt tại địa phương. Tại phiên tòa hôm nay cả 7 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt lần 2 không lý do. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử không thể làm rõ được khoản tiền lãi vượt quá 20% các bị cáo đã thanh toán trả cho những người có quyền lợi liên quan hay chưa. Do vậy, tách phần giải quyết khoản tiền lãi vượt 20% mà các bị cáo phải thanh toán trả cho những người có quyền lợi liên quan để giải quyết riêng khi họ có yêu cầu.

Đối với số tiền gốc các bị cáo đã cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay là công cụ phương tiện phạm tội và khoản tiền lãi dưới 20% các bị cáo đã thu của 7 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là tiền có được từ khoản tiền là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Tổng số tiền gốc và lãi tịch thu sung quỹ nhà nước là 146.393.793 đồng. Tại buổi làm việc với tòa án ngày 13/9/2019 và tại phiên tòa hôm nay bị cáo V và T đã xác định số tiền gốc Việt cho vay và lãi 20% mà V đã nhận của người vay là 102.566.343 đồng và số tiền gốc T cho vay và lãi 20% mà T đã nhận của người vay là 43.827.450 đồng. Nên tịch thu sung quỹ Nhà nước của V là 102.566.343 đồng và T là 43.827.450 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 chiếc điện thoại OPPO màu đen, có số IMEI: 865251032225156, 86525103222514901, sim số: 0913928413 của V không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Viêt, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Thu giữ 01 chiếc điện thoại OPPO màu trắng, có số IMEI: 8607390363384073, 8607390363384065; 01 chiếc điện thoại SONY XPERIA màu đen, có số IMEI: 359644064260070 của Viêt đều là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại NOKIA 105 màu đen, có số IMEI: 354496099520670 của Chuẩn là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước

01 chiếc điện thoại Samsung màu tím, có số IMEI: 355220093802267, 355221093802265 thu giữ của T. Chiếc điện thoại này T khai là điện thoại của vợ T là chị Nguyễn Thị T. Tại phiên tòa chị T suất trình cho Tòa án 01 hóa đơn bán hàng và bảo hành thể hiện chiếc điện thoại trên chị T mua ngày 10/5/2018 giá 7.000.000 đồng. Khi cho Tu mượn chị T Không biết Tuyên sử dụng vào việc phạm

tội, Tại phiên tòa chị T xin được Hội đồng xem xét trả lại vì trong điện thoại còn lưu trữ rất nhiều số điện thoại của người thân, xét thấy đề nghị của chị T là hoàn toàn phù hợp với pháp luật nên trả lại cho chị T chiếc điện thoại Samsung màu tím, có số IMEI: 355220093802267, 355221093802265.

01 sim có số 0348029989; 02 sim số: 0986350950, 0376681705 lắp trong chiếc điện thoại OPPO màu trắng; 01 sim số: 0899827526 lắp trong chiếc điện thoại SONY XPERIA màu đen; 01 sim số 0375641552 lắp trong chiếc điện thoại NOKIA 105 màu đen; 01 sim số 0973190588 lắp trong chiếc điện thoại Samsung màu tím là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

01 quyển sổ bìa màu hồng ghi chữ “sổ theo dõi” kích thước 21x15 cm, chữ đầu ghi “Thủy vượng” chữ cuối ghi “27/3”; 01 quyển sổ bìa màu hồng ghi chữ “sổ theo dõi” kích thước 21x15 cm, chữ đầu ghi “A hoàn”, chữ cuối ghi “339930”; 01 quyển sổ bìa màu đen kích thước 30x21cm chữ đầu ghi “01633372333” chữ cuối ghi “Quân”; 01 quyển sổ bìa màu đen kích thước 30x21cm chữ đầu ghi “hùng lâm thao” chữ cuối ghi “Lê Văn Mạnh” viết ngược; 01 quyển sổ bìa màu đen có in chữ BUSINESS B6-240 màu vàng, kích thước 15x20cm, chữ đầu “ngày 21/12”, chữ cuối “1tr300” là vật chứng nhưng đồng thời là chứng cứ của vụ án nên tịch thu lưu hồ sơ.

Số tiền các bị cáo T, C và T tham gia đánh bạc với V tuy nhiên trên thực tế chưa đưa tiền cho V nên cần tịch thu nộp lại ngân sách nhà nước của bị cáo T là 7.650.000đồng, bị cáo C nộp lại 5.100.000đồng và T nộp lại 2.000.000đồng.

09 tờ giấy vay tiền do T đứng tên là người cho vay, 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mang tên Bùi Minh T, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT mang tên Bùi Minh T, 01 tập phương án chữa cháy của cơ sở mang tên Bùi Minh T tài liệu do cơ quan công an thu giữ không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo, xét thấy đề nghị của bị cáo phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với các bị cáo. Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao phù hợp với pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 201, khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS (Đối với V); Căn cứ khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 BLHS (Đối với T); khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 BLHS (Đối với T); khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 BLHS (Đối với C)

Tuyên bố các bị cáo Bùi Ngọc V và Bùi Minh T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Bùi Ngọc V, Bùi Kim T và Nguyễn Văn C (T) phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt chung của 2 tội, buộc bị cáo V phải chấp hành là 22 (Hai mươi hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh P nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Bùi Ngọc V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh P nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo V có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Bùi Ngọc V phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về Cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo V.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Bùi Ngọc V 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Minh T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh P nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Bùi Minh T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh P nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Bùi Minh T phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về Cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo T.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Bùi Minh T 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Kim T 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) về tội: “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C (T) 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) về tội: “Đánh bạc”.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Bùi Ngọc V 01 chiếc điện thoại OPPO màu đen, có số IMEI: 865251032225156, 86525103222514901 lắp sim số: 0913928413, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Bùi Ngọc V 01 chiếc điện thoại OPPO màu trắng, có số IMEI: 8607390363384073, 8607390363384065; 01 chiếc điện thoại SONY XPERIA màu đen, có số IMEI: 359644064260070. Tịch nộp ngân sách Nhà nước của Nguyễn Văn C 01 chiếc điện thoại NOKIA 105 màu đen, có số IMEI: 354496099520670.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị T chiếc điện thoại Samsung màu tím, có số IMEI: 355220093802267, 355221093802265 mà cơ quan điều tra đã thu của Bùi Minh T.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0348029989; 02 sim điện thoại số: 0986350950, 0376681705 lắp trong chiếc điện thoại OPPO màu trắng; 01 sim điện thoại số: 0899827526 lắp trong chiếc điện thoại SONY XPERIA màu đen; 01 sim điện thoại số 0375641552 lắp trong chiếc điện thoại NOKIA 105 màu đen; 01 sim điện thoại số 0973190588 lắp trong chiếc điện thoại Samsung màu tím.

Tịch thu lưu hồ sơ 01 quyển sổ bìa màu hồng ghi chữ “sổ theo dõi” kích thước 21x15 cm, chữ đầu ghi “Thủy vượng” chữ cuối ghi “27/3”; 01 quyển sổ bìa màu hồng ghi chữ “sổ theo dõi” kích thước 21x15 cm, chữ đầu ghi “A hoàn”, chữ cuối ghi “339930”; 01 quyển sổ bìa màu đen kích thước 30x21cm chữ đầu ghi “01633372333” chữ cuối ghi “Quân”; 01 quyển sổ bìa màu đen kích thước 30x21cm chữ đầu ghi “hùng lâm thao” chữ cuối ghi “Lê Văn Mạnh” viết ngược; 01 quyển sổ bìa màu đen có in chữ BUSINESS B6-240 màu vàng, kích thước 15x20cm, chữ đầu “ngày 21/12”, chữ cuối “1tr300”.

(Tất cả vật chứng có trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/7/2019)

Trả lại cho Bùi Minh T 09 tờ giấy vay tiền do T đứng tên là người cho vay, 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mang tên Bùi Minh T, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT mang tên Bùi Minh T, 01 tập phương án chữa cháy của cơ sở mang tên Bùi Minh T (Các tài liệu trên đang lưu trong hồ sơ vụ án).

Tịch thu nộp lại ngân sách Nhà nước của Bùi Ngọc V số tiền là 102.566.343 đồng (Một trăm linh hai triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng).

Tịch thu nộp lại ngân sách Nhà nước của Bùi Minh T số tiền là 43.827.450 đồng (Bốn mươi ba triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi đồng) và số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tổng số tiền bị cáo Bùi Minh T nộp lại ngân sách Nhà nước là 45.827.450 đồng (Bốn mươi lăm triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Tịch thu nộp lại ngân sách Nhà nước của Bùi Kim T số tiền 7.650.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Tịch thu nộp lại ngân sách Nhà nước của Nguyễn Văn C (T) số tiền 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng).

Tách phần giải quyết khoản tiền lãi vượt quá 20% mà các bị cáo Bùi Ngọc V, Bùi Minh T phải thanh toán trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giải quyết riêng khi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu.

Về án phí Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Ngọc V, Bùi Minh T, Bùi Kim T và Nguyễn Văn C (T) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND huyện LT;
- Công an huyện LT;
- Cơ quan THAHS - CA huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- UBND xã Tứ xã H. Lâm Thao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điền Thị Bích Lược

